

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày 11 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới;
Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Hữu T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1996; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết), và bà Nguyễn Thị Bé H; có vợ là Nguyễn Thị Thảo V (sống chung như vợ chồng), chưa có con; tiền án: 02 tiền án (cụ thể: Tại Bản án số 11/2020/HSST ngày 04/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 24/9/2021; tại Bản án số 53/2023/HSST ngày 24/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (cũ) xử phạt bị cáo 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 25/01/2025); tiền sự: Không; nhân thân: Ngoài 02 tiền án trên, bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự nào khác, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Dương Thị T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Trần Thị Phương T2, sinh năm 2008

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Đại diện hợp pháp: Dương Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ; là mẹ của bị hại Trần Thị Phương T2. Có mặt.

Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị hại Trần Thị Phương T2 học tập, lao động và sinh hoạt: Ông Lê P, chức vụ: Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Dương Thị Ánh X, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số D, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1993

Địa chỉ: Địa chỉ: Số D, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

4. Lê Văn P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số C, đường C, phường T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Hoài T3. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2025, Nguyễn Văn Hữu T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65MA-005.26 đi từ nhà tại xã H, thành phố Cần Thơ đến nhà trọ T4 (thuộc ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ), thuê phòng trọ số 02 để ngủ qua đêm.

Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm và đi ra khỏi phòng thì phát hiện 03 xe mô tô đang đậu ở lối đi nhà trọ, không có người trông coi. T đi đến nơi đậu xe mô tô thứ nhất, nhãn hiệu Vario, màu trắng đen, biển kiểm soát 95EA-158.70 của chị Trần Thị Phương T2, dùng tay cạy cốp xe mô tô lấy được 3.000.000 đồng (không nhớ mệnh giá các tờ tiền) để vào túi quần bên phải; tiếp theo, T đi đến xe mô tô thứ hai màu xám đen, biển kiểm soát 95E2- 033.55 của chị Dương Thị Ánh X (chủ nhà trọ), cạy cốp xe mô tô nhưng bên trong không có tài sản; T tiếp tục đi đến xe mô tô thứ ba màu xám đen, biển kiểm soát 95E1- 535.78 của chị Dương Thị T1, cạy cốp xe mô tô lấy được 7.000.000 đồng để vào túi quần bên phải. Sau đó, T kêu chị Dương Thị Ánh X thức dậy và nói “Mở cửa cho tôi đi rước bạn rồi về liền”, rồi điều khiển xe mô tô chạy đến nhà Nguyễn Thị Thảo V (thuộc khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ).

Đến khoảng 17 giờ 35 phút ngày 12 tháng 8 năm 2025, chị Dương Thị Ánh X phát hiện các xe mô tô bị cạy cốp, mất tài sản nên trình báo vụ việc đến Công an xã P.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, T được gia đình vận động đến Công an xã P đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp 5.000.000 đồng tang vật. Chị Nguyễn Thị Thảo V (sống chung như vợ chồng với T) tự nguyện nộp 5.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả thay cho T.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có: Tiền Việt Nam: 5.000.000 đồng (do T tự nguyện giao nộp); 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho: Dương Thị T1 3.000.000 đồng, Trần Thị Phương T2 7.000.000 đồng; chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Dương Thị T1 và Trần Thị Phương T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-KV13 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hữu T từ 02 năm đến 03 năm tù.
3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; giao trả cho ông Nguyễn Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và yêu cầu xem xét giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo.

- Các bị hại cùng thừa nhận đã được bồi thường xong nên không yêu cầu; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Nguyễn Văn M yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUEDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2025, sau khi nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo phát hiện 03 xe mô tô đang đậu ở lối đi nhà trọ T4 (thuộc ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ), không có người trông coi. Bị cáo đã lén lút cạy cốp xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu trắng đen, biển kiểm soát 95EA-158.70 của chị Trần Thị Phương T2, lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng; tiếp theo, bị cáo cạy cốp xe mô tô màu xám đen, biển kiểm soát 95E2- 033.55 của chị Dương Thị Ánh X nhưng không có tài sản để lấy trộm; bị cáo tiếp tục cạy cốp xe mô tô màu xám đen, biển kiểm soát 95E1- 535.78 của chị Dương Thị T1, lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo kêu chủ nhà trọ mở cổng nhà trọ, nói dối là cho bị cáo đi rước bạn gái rồi điều khiển xe mô tô chạy đến nhà Nguyễn Thị Thảo V (thuộc khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ).

Hành vi trên của bị cáo là cố ý trực tiếp chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác một cách lén lút để tạo cho mình khả năng định đoạt tài sản đã chiếm đoạt; cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; chiếm đoạt tài sản trị giá 10.000.000 đồng, đồng thời trước đó bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự

năm 2015. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo tìm kiếm và phát hiện 03 xe mô tô đang đậu ở lối đi nhà trọ nơi bị cáo nghỉ trọ. Bị cáo đã lợi dụng đêm khuya, tài sản không có người trông coi để tiếp cận 03 chiếc xe mô tô này và lần lượt cạy cốp xe lấy trộm số tiền là 10.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo kêu chủ nhà trọ mở cổng nhà trọ, nói dối là cho bị cáo đi rước bạn gái rồi điều khiển xe mô tô bỏ trốn. Thể hiện phương thức, thủ đoạn phạm tội liều lĩnh, tinh vi.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương; phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Mặc dù đã bị kết án 02 lần cùng về nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu, nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ nghiêm trọng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; tại phiên tòa, các bị hại cùng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; đã bị kết án 02 lần cùng về nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Mặc dù 02 tiền án này đã được xem là yếu tố định khung tăng nặng, nhưng cũng cần xem bị cáo là người có nhân thân xấu, đồng thời chứng minh hình phạt của bản án đã kết án bị cáo về Tội trộm cắp tài sản trước đây chưa đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc hơn, nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đồng thời việc bị cáo đầu thú cũng đã thể hiện được việc bị cáo thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp

dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26 là tài sản của ông Nguyễn Văn M. Ông M không biết, không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho ông Nguyễn Văn M.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hữu T 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu, không xem xét.
4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Giao trả cho ông Nguyễn Văn M 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Galay 50, số máy VMVBUDD218014, số khung RLGMF05BMND218014, biển kiểm soát 65MA-005.26 (vật chứng đã được chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ theo quyết định chuyển vật chứng số: 04/QĐ – VKS - KV13 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 10 năm 2025).

5. Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025; Điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn Hữu T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo, các bị hại và đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- CA TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06, PC10);
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ
- THADS TP. Cần Thơ;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng